

Bản án số: 55/2018/HS-ST
Ngày: 01-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Chung.
2. Ông Lê Dũng Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 11/2018/HSST-QĐ ngày 26/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn D – sinh năm: 1977 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn G, sinh năm 1952 và bà Mai Thị V1, sinh năm 1954; vợ: Võ Thị Thu TH, sinh năm 1978; con: 02 người; lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2007

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/4/2000 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/3/2018. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

2. Đinh Văn Đ – sinh năm: 1968 tại Nam Định.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn L - sinh năm 1922 và bà Trần Thị Q (đã chết).

Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1973 (chết năm 2009); con: 05 người, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Vợ: Vũ Thị Ho, sinh năm 1978; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/3/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

3. Trần Đăng T2 – sinh năm: 1988 tại Nam Định.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đăng T4, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1965; vợ: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/3/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

4. Phạm Thanh T3 - sinh năm: 1984 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: thợ xây; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh T5, sinh năm 1952 và bà Bùi Thị C1 (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Bé E, sinh năm 1981; con: 03 người; lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/3/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

5. Nguyễn Quốc C – sinh năm : 1988 tại Bà Rịa- Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1957 và bà Tạ Thị S1, sinh năm 1958; vợ: Lê Thị Tường V2, sinh năm 1991; con: 02 người; lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/3/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

6. Trần Thanh S – sinh năm : 1981 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm cửa sắt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M, sinh năm 1958 và bà Đinh Thị S2, sinh năm 1962; vợ: Trịnh Thị Kim D1, sinh năm 1983; con: 02 người; lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/3/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

7. Trần Văn B – sinh năm : 1962 tại Nam Định.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn

L 2(đã chết) và bà Hoàng Thị L3, sinh năm 1938; vợ Nguyễn Thị D2, sinh năm 1968; con: 03 người; lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1992

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/3/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

8. Phan Minh T6- sinh năm: 1993 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 6, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn M2, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; vợ Tô Thị Hoa H2, sinh năm 1992 (đã ly hôn); con: 01 người; sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/3/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

9. Trần Văn H – sinh năm: 1992 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Núi Tượng, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn K, sinh năm 1967 và bà Trần Thị M3, sinh năm 1970; vợ: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/3/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Ngô Văn H3 – sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Long Bình, T2 phố Biên H3, Đồng Nai.

Người làm chứng:

Bà Võ Thị Thu TH – sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt các bị cáo; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30, ngày 04 /02/2018 tại nhà Phạm Văn D ở ấp 5, P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H sau khi uống rượu xong rủ nhau đánh bài ăn tiền, tất cả đồng ý. Phạm Văn D chuẩn bị 01 chăn màu xanh lá cây trải trên nền nhà, 01 đĩa sứ màu trắng và bộ bài tây 52 lá. Hình thức đánh bài là bài kéo xì dzách. Các đối tượng ngồi vào 7 tụ bài. Trong đó, Đinh Văn Đ và Trần Đăng T2 hùn tiền với nhau ngồi một tụ, Phan Minh T6 và Trần Văn H hùn tiền nhau ngồi vào một tụ. Mỗi tụ bài làm cái 3 ván bài, tụ làm cái chịu trách nhiệm lấy tiền và thanh toán tiền thắng, thua cho

các tụ còn lại. Mỗi tụ làm cái 3 ván bài, sau đó chuyển qua tụ ngồi kế bên làm cái. Cứ như vậy làm cái xoay vòng cho các tụ bài. Theo quy định mỗi tụ bài đặt với tụ bài làm cái mỗi ván bài từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Hình thức đánh bài xì dzach là người làm cái dùng bộ bài tây 52 lá chia cho mỗi tụ 02 lá bài, số bài dư được để úp trên cái đĩa ở giữa sòng bài. Căn cứ vào số điểm của 02 lá bài đã quy định điểm từ trước, người chơi có thể rút thêm nhiều nhất là 03 lá bài. Số điểm cộng lại sau khi không rút hoặc rút thêm lá bài cộng lại nếu trên 21 điểm thì bị thua tụ có số điểm từ 21 điểm trở xuống đến 16 điểm (trường hợp 2,3,4 lá bài) và thua tụ 5 lá bài từ 21 điểm trở xuống. Còn nếu từ 21 điểm trở xuống thì tụ nào có số điểm lớn sẽ thắng tụ bài có số điểm nhỏ hơn (trường hợp 2, 3, 4 lá bài) và thắng 5 lá bài có số điểm trên 21 điểm và thua tụ có 5 lá bài từ 21 điểm trở xuống. Trong lúc chơi đánh bạc thì thi thoảng người chơi bỏ vào ca nhựa một số tiền để mua thuốc, nước, đồ ăn. Đến khoảng 1 giờ 30, ngày 05/2/2018, Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền thì bị lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm hình sự, kinh tế ma túy công an huyện T phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật.

Thu giữ: trên người các đối tượng: Phạm Văn D: 5.000.000 đồng, Đinh Văn Đ: 80.000 đồng, Trần Đăng T2: 6.100.000 đồng, Nguyễn Quốc C: 1.730.000 đồng, Trần Thanh S: 500.000 đồng, Trần Văn B: 16.600.000 đồng, Trần Văn H 60.000 đồng. Thu giữ: 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chăn màu xanh lá cây, 03 xe mô tô, 9 điện thoại di động các loại.

Trong quá trình điều tra các đối tượng khai nhận số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau:

Phạm Văn D ban đầu dùng số tiền 1.000.000 đồng vào đánh bạc nhưng bị thua hết, sau đó D lấy thêm 5.000.000 đồng ra đánh bạc thì bị phát hiện và bị bắt quả tang.

Đinh Văn Đ khai nhận sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để hùn hạp với Trần Đăng T2 để ngồi chơi 01 tụ bài. Khi Đ và T2 đang chơi thì bị phát hiện và bị bắt quả tang.

Trần Đăng T2 khai nhận: Trần Đăng T2 hùn hạp với Đinh Văn Đ để ngồi chơi 1 tụ bài. T2 sử dụng số tiền 2.300.000 đồng để hùn với Đinh Văn Đ. Khi bị bắt quả tang. Thu giữ trong người Trần Đăng T2 6.100.000 đồng. Trong đó 3.500.000 đồng số tiền các người chơi bỏ chạy để lại và 2.600.000 đồng là tiền Đ và T2 dùng vào việc đánh bạc.

Phạm Thanh T3 khai nhận: T3 dùng số tiền 1.300.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi công an ập vào bắt quả tang T3 đã thua hết số tiền trên. Khi bị bắt quả tang thu giữ trong người T3 500.000 đồng.

Trần Thanh S khai nhận: S mang theo 22.000.000 đồng, lúc đầu S lấy ra 2.000.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, số tiền còn lại S đưa cho Nguyễn Quốc C giữ. Khi S thua hết số tiền 2.000.000 đồng thì tiếp tục lấy tiền gửi C ra để dùng vào việc đánh bạc.

Nguyễn Quốc C khai nhận: C lấy của Trần Thanh S số tiền 3.300.000 đồng để tham gia đánh bạc. Số tiền này do Trần Thanh S đưa cho C giữ dùm và

S cho C mượn. Khi bị bắt quả tang thu giữ trong người C số tiền 1.730.000 đồng.

Trần Văn B khai nhận: B khi tham gia đánh bạc dùng số tiền 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thu giữ trong người B 16.600.000 đồng.

Trần Văn H khai nhận: Khi tham gia đánh bạc H có số tiền 60.000 đồng và H dùng số tiền này hùn với Phan Minh T6 để tham gia chơi 1 tụ. Khi bị bắt quả tang thu giữ trong người H số tiền 60.000 đồng.

Phan Minh T6 khai nhận: T6 dùng số tiền 260.000 đồng hùn với Trần Văn H để tham gia 1 tụ. Khi bị bắt quả tang thì T6 đã thua hết số tiền trên.

Về số tiền dùng vào việc đánh bạc: Đây là hình thức nhiều người đánh bạc với nhau. Căn cứ điều 1, Nghị quyết số 01/2010/ NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì số tiền dùng vào việc đánh bạc của Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H là tổng số tiền thu trên người của Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H đã và sẽ dùng vào việc đánh bạc là 33.920.000 đồng.

Tang vật thu giữ: Số tiền thu trên người các bị cáo đã và sẽ dùng vào việc đánh bạc là 30.070.000 đồng. Thu giữ: 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chăn màu xanh lá cây, 03 xe mô tô, 9 điện thoại di động các loại.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 04/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố luận tội và tranh luận; phân tích dấu hiệu phạm tội; đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo Đ, T2, T3, C, S, B, T6, H; riêng đối với bị cáo D đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề xuất mức án đối với các bị cáo, cụ thể:

1. Phạm Văn D từ 30 đến 40 triệu đồng.
2. Đinh Văn Đ từ 20 đến 30 triệu đồng.
3. Trần Đăng T2 từ 20 đến 30 triệu đồng.
4. Phạm Thanh T3 từ 20 đến 30 triệu đồng.
5. Nguyễn Quốc C từ 20 đến 30 triệu đồng.
6. Trần Thanh S từ 20 đến 30 triệu đồng.
7. Trần Văn B từ 20 đến 30 triệu đồng.
8. Phan Minh T6 từ 20 đến 30 triệu đồng.
9. Trần Văn H từ 20 đến 30 triệu đồng.

Đối với 03 xe mô tô, 9 điện thoại di động các loại thu giữ của các bị cáo. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T đã trao trả cho chủ sở hữu.

Trong quá trình bắt người phạm tội quả tang thu giữ của Ngô Văn H3 145.000 đồng và 01 điện thoại di động. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của Ngô Văn H3, anh H3 không có tham gia đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T đã trao trả cho Ngô Văn H3.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; đề nghị Toà tuyên:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 30.070.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chăn màu xanh lá cây hiện đang thu giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện T vì không còn giá trị sử dụng.

Tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng thể hiện:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn H3 trình bày: Vào ngày 04/02/2018 anh có đi chơi với 02 người con của bị cáo D, đến khoảng 21 giờ thì về nhà bị cáo D, khi về nhà anh thấy bị cáo D và nhiều người đang ngồi chơi đánh bài xì dzách có ăn thua bằng tiền, anh ngồi phía sau để xem nhưng anh không tham gia đánh bạc, đến khoảng 01 giờ sáng thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ của anh 145.000 đồng và 01 điện thoại di động hiện nay anh đã nhận lại tài sản nên anh không có yêu cầu nào khác.

Người làm chứng chị Võ Thị Thu TH trình bày: Vào ngày 04/02/2018 sau khi bị cáo D đi nhậu ở đám cưới về thì rủ bạn về nhà nhậu tiếp, chị qua nhà hàng xóm để chơi, chị biết trong nhóm bạn của bị cáo D có bị cáo B, bị cáo S, bị cáo Đ ngoài ra chị không còn biết ai khác. Nhậu đến khuya thì rủ nhau đánh bài ăn tiền (chị không biết cách thức đánh như thế nào), chị và các con vào phòng ngủ. Đến gần sáng chị dậy đi vệ sinh thì thấy Công an bắt quả tang các bị cáo đang đánh bạc. Ngoài ra chị không chứng kiến sự việc nào khác.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng truy tố là đúng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo tại địa phương mà trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa các bị cáo không đưa ra đồ vật, tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những

người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H đều thừa nhận: Vào khoảng 21 giờ 30, ngày 04/02/2018 tại nhà bị cáo Phạm Văn D các bị cáo sau khi uống rượu xong rủ nhau đánh bài ăn tiền, tất cả đồng ý (hình thức đánh bài là bài kéo xì dzách). Đến khoảng 01 giờ 30, ngày 05/02/2018 trong lúc các bị cáo đang đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài xì dzách được thua bằng tiền, thì bị lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy công an huyện T bắt quả tang thu giữ số tiền 30.070.000 đồng cùng các tang vật khác. Số tiền này thu được tại chiếu bạc và trên người các bị cáo là số tiền đã và sẽ được dùng vào việc đánh bạc.

Vì vậy, hành vi các bị cáo Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H đã thực hiện có đủ yếu tố cấu T2 tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Hành vi của các bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, mà còn gây bất bình trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Đặc biệt, trong thời điểm hiện nay, tệ nạn cờ bạc diễn ra ngày càng phức tạp và là nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của các nhóm tội phạm khác. Vì vậy để giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội cần thiết phải xét xử và áp dụng cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đủ cho các bị cáo cải tạo bản thân mà trở thành người công dân tốt.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo D sử dụng địa điểm nhà thuộc quyền sở hữu của mình để đánh bạc và làm cái, ngoài ra bị cáo D có nhân thân xấu (Ngày 14/4/2000 bị Tòa án nhân dân T2 phố Biên H3 xử phạt 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản) do đó hành vi của bị cáo D cần phải xử lý nghiêm và hình phạt của bị cáo D là cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S trực tiếp tham gia đánh bạc và làm cái, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cao hơn các bị cáo Phan Minh T6, Trần Văn H do đó mức hình phạt của các bị cáo chỉ thấp hơn bị cáo D và cao hơn các bị cáo T6, H.

Bị cáo Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H cũng đều trực tiếp tham gia đánh bạc và làm cái, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc thấp, bị cáo B hiện nay đang bị bệnh do đó mức hình phạt của các bị cáo là ngang nhau.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo là lao động chính trong gia đình, không có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo B hiện nay đang bị bệnh đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản thân các bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/3/2018 như vậy cũng đủ mức răn đe và giáo dục đối với các bị cáo.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ vì vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[5] Bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 04/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xác định các bị cáo Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H đã và sẽ dùng vào việc đánh bạc là 33.920.000 đồng.

Theo biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05/02/2018, (số tiền thu tại chiếu bạc và tiền trên người các bị cáo sẽ dùng vào việc đánh bạc là 30.070.000 đồng). Căn cứ khoản 3 Điều 1, Nghị quyết số 01/2010/ NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc là 30.070.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 03 xe mô tô, 9 điện thoại di động các loại thu giữ của các bị cáo. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T đã trao trả cho chủ sở hữu là đúng quy định nên không xem xét.

- Số tiền 30.070.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chần màu xanh lá cây vì đây là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng.

[7] Các vấn đề khác: Trong quá trình bắt người phạm tội quả tang thu giữ của Ngô Văn H3 145.000 đồng và 01 điện thoại di động. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của Ngô Văn H3, anh H3 không có tham gia đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T đã trao trả cho Ngô Văn H3 là đúng quy định pháp luật nên không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội và hình phạt của các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo Đ, T2, T3, C, S, B, T6, H.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

1. Phạm Văn D **40.000.000đ** (Bốn mươi triệu đồng).
2. Đinh Văn Đ **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng).
3. Trần Đăng T2 **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng).
4. Phạm Thanh T3 **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng).
5. Nguyễn Quốc C **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng).
6. Trần Thanh S **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng).
7. Trần Văn B **20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng).
8. Phan Minh T6 **20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng).
9. Trần Văn H **20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 30.070.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chần màu xanh lá cây vì đây là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng.

Số tiền và vật chứng đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện T quản lý (Số tiền theo biên lai thu số 0003241 ngày 10/5/2018, số vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/5/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Các bị cáo Phạm Văn D, Đinh Văn Đ, Trần Đăng T2, Phạm Thanh T3, Nguyễn Quốc C, Trần Thanh S, Trần Văn B, Phan Minh T6, Trần Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Anh H3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Văn Nam

T2 VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T2 VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**